

Tiếp cận tính cộng đồng: Những bàn luận và nghiên cứu về tính cộng đồng ở Việt Nam

Nguyễn Diệu Hương^(*)

Tóm tắt: Nghiên cứu tính cộng đồng trong học thuật nói chung và nghiên cứu tính cộng đồng của người Việt Nam hay một khu vực, vùng miền nào đó nói riêng nhằm phục vụ sự nghiệp phát triển cho đến nay chưa thấy xuất hiện nhiều. Các nghiên cứu về tính cộng đồng chủ yếu được tiếp cận từ khoa học tâm lý học và tiếp cận nghiên cứu tính cộng đồng trong tổng thể một vấn đề chung khác. Từ các nghiên cứu rời rạc, với nhiều hướng tiếp cận khác nhau, tác giả mong muốn có phác họa ban đầu những bàn luận về tính cộng đồng của người Việt từ hướng tiếp cận cái chung đến cái riêng, cái tổng thể đến cái cụ thể trên các mặt văn hóa - xã hội theo ba khía cạnh: xã hội - lịch sử, xã hội - văn hóa và nhân cách.

Từ khóa: Tính cộng đồng, Tiếp cận xã hội - lịch sử, Tiếp cận xã hội - văn hóa, Tiếp cận nhân cách

Đặt vấn đề

Tính cộng đồng là một trong những bản tính nguyên thủy của con người. Con người từ thời “ăn lông ở lỗ” đã sống thành một cộng đồng, tập thể, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền đạt các kỹ năng sinh tồn, kích thích quá trình tiến hóa. Cũng từ đó mà dần hình thành các mô hình xã hội từ dạng sơ khai cho đến phức tạp và phát triển cao như ngày nay. Qua nhiều thiên niên kỷ, dân tộc Việt Nam đã hình thành và tự khẳng định mình với tư cách một quốc gia dân tộc. Quá trình hình thành và phát triển của dân tộc mang bản sắc đặc trưng Việt hôm nay

chính là cả quá trình khẳng định bản chất nội tại từ điều kiện địa lý đến đặc trưng nhân chủng, bên cạnh sự tiếp biến có chọn lọc tinh hoa của các nền văn hóa khác. Tính cộng đồng chính là một trong những yếu tố cấu thành bản chất riêng có ấy.

Tuy nhiên, tính cộng đồng của người Việt lại chưa xuất hiện nhiều trong các nghiên cứu về khoa học xã hội. Có thể thấy, trong số các bàn luận, nghiên cứu về tính cộng đồng, để đưa ra quan điểm, nhận định, các tác giả đã đứng từ nhiều chiều cạnh, nhiều vị trí khác nhau để xem xét. Theo hướng tiếp cận từ cái chung đến cái riêng, từ cái tổng thể đến cái cụ thể, mỗi công trình khi nghiên cứu tính cộng đồng đều tiếp cận tổng hợp, đa chiều, khó thấy có công trình chỉ đi theo một hướng tiếp cận nào đó. Qua tổng hợp, phân tích các

(*) NCS. Tâm lý học, Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội: Email: nguyendieuhuong1912@gmail.com

nghiên cứu về tính cộng đồng theo chiều lịch sử, văn hóa, nhân cách, chúng tôi nhận thấy có ba góc độ tiếp cận sau:

1. Tính cộng đồng của người Việt dưới góc nhìn xã hội - lịch sử

Tiếp cận xã hội - lịch sử là nghiên cứu quá trình tích tụ, quá trình hình thành, ổn định và phát triển mang tính bền vững khó thay đổi của cả một dân tộc - ở đây là sự kết tinh qua tính cách của mỗi con người trong dân tộc đó như thế nào.

Dưới góc nhìn xã hội - lịch sử khi nghiên cứu tính cộng đồng của người Việt Nam, các nhà khoa học không tách rời với tính cá nhân. Phan Huy Lê (1987) trong bài viết *Vài đặc điểm liên quan đến tâm lý dân tộc trong thời kỳ trung đại* cho rằng, tính cộng đồng - tính cá nhân biểu hiện ở 3 mặt: lối sống (ăn, mặc, ở), nếp nghĩ (tư duy), lối ứng xử (quan hệ người - người trong cộng đồng). Trong lịch sử của xã hội Việt Nam, tính cộng đồng gắn với toàn bộ đời sống của người nông dân Việt Nam. Theo Phan Huy Lê, cùng thời đoạn lịch sử từ thế kỷ X-XIX, xã hội phương Tây đã phát triển cực mạnh cả về sản xuất và diễn biến xã hội, “sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa tư bản đã tạo ra những biến đổi lớn lao trong toàn bộ đời sống xã hội”, thì ở Việt Nam vẫn còn phát triển với đặc trưng chung của xã hội phong kiến phương Đông. Ở Việt Nam thời kỳ này, quan hệ kinh tế vẫn là chế độ sở hữu phong kiến về ruộng đất và hình thái bóc lột địa tô của giai cấp phong kiến đối với nông dân; những quan hệ lệ thuộc khác nhau của nông dân đối với địa chủ phong kiến; tính cộng đồng chịu ảnh hưởng của cơ cấu làng xã; quan hệ giữa địa chủ sở hữu và nông dân, giữa nông dân với nông dân mang đậm sự phụ thuộc nhau kiểu

“đất vua, chùa làng”, kiểu “phép vua thua lệ làng”.

Hầu hết các tác giả như Trần Đình Hượu (1986), Nguyễn Hồng Phong (1963), Phạm Minh Hạc (2001), Đỗ Long, Trần Hiệp (1993), Đỗ Long (1997), Trần Ngọc Thêm (1999, 2006)... khi đề cập đến tính cộng đồng của người Việt (trực tiếp hay gián tiếp) đều bày tỏ quan điểm nhất trí rằng tính cộng đồng là một đặc điểm nổi trội của người Việt Nam, của văn hóa Việt Nam.

Trần Đình Hượu (1986) trong tiêu luận *Về vấn đề tìm đặc sắc văn hóa dân tộc* cho rằng, chính sự ổn định lâu dài của làng là cơ sở để tính cộng đồng làng ngày càng được duy trì và củng cố. Đi đôi với tính cộng đồng làng là ý thức về cá nhân và sở hữu không phát triển cao. Phần lớn cuộc sống ở cộng đồng làng xã người Việt Nam đầu thế kỷ XX là sự mô phỏng cuộc sống gia đình (nhà). Sự gắn kết của người Việt đối với gia đình được lặp lại bởi sự gắn kết của họ với làng. Các sợi dây ràng buộc người Việt đối với làng của họ cũng vững chắc gần như các sợi dây ràng buộc họ với gia đình... Khi tính cộng đồng được đề cao thì tính cá nhân của con người bị mờ nhạt. “Cái tôi” đứng sau “cái ta” để tăng sức mạnh và do đó trách nhiệm cá nhân, “cái tôi” cá nhân không có điều kiện bộc lộ. Yếu tố cộng đồng trong tính cách làng xã đã chi phối toàn bộ và tạo ra nguyên tắc sống bình quân chủ nghĩa, “xấu đều hơn tốt lỗi”. Đây cũng là một nhân tố kìm hãm cá nhân có năng lực phát triển. Chủ nghĩa bình quân ngày càng tăng, củng cố thêm nét đồ kỵ, nhỏ nhen của người tiểu nông và làm cho người ta nín kéo nhau dẫn tới chỗ phải tự kiềm chế “cái tôi”, cái cá nhân, năng lực cũng như lợi ích, ham muốn chính đáng để chúng không lộ hình. Tính cộng đồng của con người biểu hiện đến mức chỉ đề cao cái

đặc trưng. “Phép vua thua lệ làng” là một biểu hiện của tính cục bộ. Trong lịch sử Việt Nam, trong tính cách của người tiểu nông, yếu tố cộng đồng trỗi lên yếu tố cá nhân về mọi phương diện (đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội) kìm hãm sự phát triển toàn diện nhân cách con người.

Tinh thần cộng đồng, tâm lý cộng đồng là một đặc điểm trong tâm thức của người Việt Nam. Đặc điểm ấy thể hiện ở các tầng bậc từ vi mô đến vĩ mô, từ lịch đại đến đương đại. Tình cảm cộng đồng là một nhân tố tạo thành năng lực phối kết hợp. Trong công trình *Tâm lý cộng đồng làng và di sản* của Đỗ Long và Trần Hiệp (1993), các tác giả cho rằng tâm lý cộng đồng trước đây từng là chỗ dựa tinh thần mạnh mẽ, đáng tin cậy nhưng đồng thời nó cũng tạo ra một sức ép to lớn, một sức ỳ trì trệ đối với sự phát triển nhân cách. Ngày nay chúng ta phải làm sao để khẳng định được vị trí và vị thế của mỗi người trong sự nghiệp giải phóng cá nhân, phải tạo lập cho họ những điều kiện để họ có thể trở thành những chủ thể độc lập, tự do thực sự trên con đường phát triển.

2. Tính cộng đồng của người Việt dưới góc nhìn xã hội - văn hóa

Vốn văn hóa hay tính xã hội - văn hóa không phải có từ khi bắt đầu định hình dân tộc mà được tích tụ, ổn định dần dần, tồn tại trong suốt quá trình xây dựng và phát triển. Điều kiện sống với vùng cư trú, môi trường thiên nhiên quy định nên bản sắc văn hóa - xã hội của một dân tộc.

Cách tiếp cận xã hội - văn hóa cho phép chủ thể nhận thức loại bỏ được sự phân chia quan niệm về con người như một thực thể xã hội và như một chủ thể văn hóa. Cách tiếp cận này ngày càng được giới nghiên cứu thừa nhận rộng rãi, vì nó không chỉ mở rộng quan niệm về sự phát triển con người, mà còn đem lại cho

người nghiên cứu khả năng sử dụng các phương pháp nghiên cứu truyền thống vào việc giải quyết những vấn đề cụ thể. Ngoài ra, cách tiếp cận này còn giúp cho các nhà nghiên cứu có một cơ sở phương pháp luận để phân tích quá trình phát triển lịch sử - xã hội từ lát cắt các nền văn minh (Nguyễn Kim Lai, 2004).

Cả chiều dài lịch sử đầy biến động của Việt Nam chưa tạo dựng được cho dân tộc một nền văn hóa lớn (không có nền hội họa thi ca lớn, không có nền triết học lớn, không có giáo lý tôn giáo đặc trưng riêng của dân tộc...), mà ở mỗi chiều cạnh trong nền văn hóa ấy đều thấy bóng dáng một chút hỗn dung của các nền văn hóa lớn khác.

Trần Đình Hượu cho rằng: “Chủ thể của văn hóa Việt Nam, của văn hóa dân tộc là người Kinh”, điều kiện sống có ở cả ba vùng cư trú: đồi núi, sông nước, ven biển. “Đó cũng là vùng gió mùa, vùng lụt bão liên năm”... “Đó cũng là vùng trồng lúa nước bắt con người phải định cư” (Trần Đình Hượu, 1986: 112). Bên cạnh đó, Việt Nam còn là dải đất nằm ven biển, trên con đường giao lưu văn hóa bị thu hút bởi văn minh Ấn Độ, văn minh Trung Hoa, cả văn minh từ các nước phương Tây; đồng thời cả chiều dài lịch sử đụng độ với âm mưu xâm lược, đồng hóa của người Hán. Do vậy, tính cộng đồng xã hội - văn hóa nổi rõ qua tinh thần đoàn kết để bám trụ trước thiên nhiên, đoàn kết để chống họa ngoại xâm, “yên trong để đối phó với ngoài”... Và sau khi đoàn kết toàn dân tộc để chống ngoại xâm, thiên tai, trở về với đời sống thường ngày thì khuôn hẹp trong cộng đồng chia nhỏ làng xã, tự cấp tự túc, không có hàng hóa, đời sống thấp kém, do đó phải “lá lành đùm lá rách, chia ngọt sẻ bùi”, và lý tưởng sống là hòa thuận, thương nhau trong nghèo khổ.

Theo Vũ Dũng (2009) khi nghiên cứu cộng đồng ở Việt Nam, có thể nhận thấy hai kiểu nhóm là: *cộng đồng cư dân* (làng xã, buôn làng) và *cộng đồng dòng họ*.

Cộng đồng cư dân gắn với làng xã, cộng đồng làng xã này ngoài việc thực hiện các luật pháp của nhà nước phong kiến còn một hệ thống chuẩn mực riêng, rất chặt chẽ và có vai trò to lớn trong việc điều chỉnh hành vi của các thành viên trong cộng đồng, điều đó được ghi trong các hương ước của làng. Ở khu vực Bắc bộ, Trung bộ, các chuẩn mực cộng đồng này được gọi là lệ làng, ở Tây Nguyên được gọi là luật tục. Cách thức tổ chức cộng đồng cư dân ở các dân tộc khác nhau, thuộc các khu vực khác nhau cũng có những điểm khác nhau.

Cộng đồng cư dân của người Việt - dân tộc Kinh (thường gọi là cộng đồng làng xã) được bao bọc bởi lũy tre làng. Trong xã hội cũ, đó là cộng đồng tương đối khép kín. Sự khép kín này do sự quy định của nền sản xuất mang tính chất tự cung, tự cấp cao và thương nghiệp không phát triển. Mỗi làng có hương ước riêng quy định quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ và cách thức ứng xử của các thành viên trong cộng đồng. Một phần từ đó mà hình thành nên ý thức về chúng ta, tình cảm chúng ta - ý thức cộng đồng và tình cảm cộng đồng của các thành viên đối với cộng đồng của mình.

Ở khu vực miền núi phía Bắc, cách thức tổ chức cộng đồng cư dân của các tộc người thiểu số có những nét riêng. Bản làng của các tộc người thiểu số ở khu vực Tây Bắc là cộng đồng của những dòng họ thuộc một hoặc hai, ba tộc người cùng cư trú. Mỗi bản có một ranh giới rõ rệt được quy định cụ thể bằng văn bản hay truyền miệng. Đối với các tộc người thiểu số Tây Bắc, cộng đồng bản làng là nơi cộng sinh

(cùng sinh sống), cộng cảm (tình cảm chúng ta) và cộng mệnh (cùng chung số mệnh) của mỗi gia đình, mỗi dòng họ và của tộc người.

Đối với dân tộc Việt ở đồng bằng hay các tộc người thiểu số ở khu vực miền núi, cộng đồng luôn đóng vai trò quan trọng đối với việc chống giặc ngoại xâm, chống thiên tai bão lụt, và đối với cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của người dân. Tính cộng đồng đề cao tinh thần “lá lành đùm lá rách”, “tắt lửa tối đèn có nhau”, giúp đỡ nhau lúc khó khăn, ốm đau, trong các công việc lớn như cưới xin, ma chay, làm nhà, giỗ chạp...

Ở Nam bộ, tính cộng đồng làng xã cũng là một nhu cầu tự nhiên của cư dân nơi đây. Tính cộng đồng đó là chất keo chủ yếu gắn kết các thành viên trong làng xã, để đảm bảo, duy trì sự phát triển bền vững của làng xã Nam bộ trong lịch sử. Quan hệ tương tác giữa tính cộng đồng và tính cá nhân đã tạo nên một phong cách riêng của người Nam bộ.

Tính cộng đồng làng xã ở Nam bộ được cân bằng bởi tính tự do cá nhân, hơn là tính tự trị của làng xã như ở làng xã phía Bắc. Mối quan hệ giữa các thành viên trong làng xã ở Nam bộ tương đối bình đẳng.

Theo Phan An (2015), tính cộng đồng làng xã của người Việt ở Nam bộ được thể hiện khá rõ nét trong đời sống xã hội và sinh hoạt văn hóa. Đình làng ở Nam bộ có một vị trí quan trọng trong đời sống cộng đồng. Việc đầu tiên dân làng làm khi làng được lập là xây dựng đình làng.

Ngoài ra, tính cộng đồng làng xã ở Nam bộ còn thể hiện trong các phong tục, tập quán, cách cư xử của các thành viên trong làng. Đám cưới, đám tang của các gia đình trong làng không chỉ là việc riêng của mỗi gia đình hoặc dòng họ. Nếu trong

làng có đám cưới, đám tang, các thành viên trong làng có sự chia sẻ, đóng góp tùy theo khả năng và nhiệt thành.

Về *cộng đồng dòng họ*, theo Vũ Dũng (2009), tình cảm dòng họ đã trở thành một yếu tố điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân. Các cá nhân trong ứng xử thường quan tâm hơn đến những người trong họ - đó là cái mà các nhà tâm lý học gọi là sự thiên vị với nhóm nội. Tình cảm dòng họ, huyết thống là yếu tố quan trọng tạo nên sự cố kết, tinh thần tương thân tương ái giữa các thành viên trong một dòng họ. Trong những lúc khó khăn nhất, trong lúc làm các công việc lớn của gia đình (cưới xin, ma chay, làm nhà, ốm đau...) trước hết người ta nhờ sự giúp đỡ của dòng họ. Đây là cộng đồng có sự cố kết, đồng cảm và hợp tác cao nhất của các dân tộc.

Truyền thống tốt đẹp của dòng họ là động lực thôi thúc sự phấn đấu và ảnh hưởng lớn đến sự phát triển nhân cách của các thành viên. Nó trở thành sự trấn trở, suy nghĩ và hành động của các cá nhân để giữ gìn thanh danh và làm vẻ vang hơn cho dòng họ mình.

Tính cộng đồng của người Việt (hiểu theo nghĩa rộng - tính cộng đồng dân tộc Việt, lòng yêu nước) là một đặc điểm của bản sắc dân tộc. Nghiên cứu cộng đồng Việt kiều ở ngoài nước của Hữu Ngọc (2016) có một số điểm hợp lý có thể giúp ta hiểu thêm cộng đồng dân tộc Việt nói chung. Trong tính cộng đồng dân tộc Việt, dường như tính cộng đồng gia đình là quan trọng nhất. Điều này thấy rõ trong những gia đình Việt kiều ở Mỹ. Điển hình sự thành công của gia đình người Việt ở Mỹ là: 5 đến 6 năm đầu, cha mẹ đi làm cật lực để đầu tư cho con cái học hành, con cũng ra sức học tập và sau này đền đáp cha mẹ, gia đình trở nên khá giả. Tính cộng đồng này thường cũng mở rộng ra

gia đình lớn rồi mới đến gia tộc và đồng hương. Theo nghiên cứu của Y. Higuchi, trình tự quan trọng trong quan hệ xã hội của người Việt là: 1/ gia đình, 2/ bạn bè, 3/ trong lao động; còn của người Nhật là: 1/ bạn bè, 2/ gia đình, 3/ trong lao động.

Theo các nhà nghiên cứu, tính cộng đồng có thể tạo thành sức mạnh lớn, tuy nhiên cũng có thể là những hạn chế như: *Thứ nhất*, quá đề cao tính tập thể nên thủ tiêu tính cá nhân, người Việt thường ít xung đột mà luôn hòa tan vào các mối quan hệ xã hội, với người này là chị em, anh em, người kia là cháu... *Thứ hai*, tính cộng đồng dẫn đến thói quen dựa dẫm, ỷ lại tập thể, “nước nổi bèo nổi”, “nước trôi bèo trôi”, “cha chung không ai khóc”. *Thứ ba*, tính cộng đồng có thể tạo nên thói cào bằng, đồ kỵ, không muốn ai hơn mình, “xấu đều hơn tốt lỗi”... *Thứ tư*, khi nguy cơ đe dọa ổn định qua rồi thì tính tư hữu, cục bộ lại nổi lên (Vũ Dũng, 2009; Nguyễn Đình Thiện, 2007; Phan An, 2015).

3. Tính cộng đồng của người Việt từ tiếp cận nhân cách

Nghiên cứu tâm lý con người theo quan điểm tiếp cận nhân cách đòi hỏi phải nhìn nhận mỗi một nhân cách cụ thể chính là sản phẩm của điều kiện xã hội - lịch sử, xã hội - văn hóa, sản phẩm của giáo dục, rèn luyện và tự rèn luyện của chính mỗi người. Trong tâm lý học, tiếp cận nhân cách chính là tiếp cận với những con người cụ thể, đang hoạt động bằng xương bằng thịt cụ thể.

Nhân cách có bản chất xã hội - lịch sử, là thước đo trình độ văn hóa tinh thần của con người. Nhân cách được hình thành trong một quá trình lâu dài, gắn liền với sự trưởng thành và sự phát triển của con người thông qua giáo dục, hoạt động thực tiễn, qua quá trình tương tác giữa con người với con người. Bằng hoạt động và

giao tiếp, con người ý thức được phẩm giá và giá trị của mình trong hệ thống các quan hệ xã hội. Khi đó con người đã trở thành chủ thể của mối quan hệ xã hội.

Các nghiên cứu tiếp cận nhân cách chủ yếu đi từ cấu trúc xã hội để phân tích, đánh giá nhân cách của người Việt. Ở tác phẩm *Xã thôn Việt Nam* của Nguyễn Hồng Phong (1959), từ phân tích cơ sở kinh tế, những đặc trưng cấu trúc xã hội như gia đình, gia tộc, cộng đồng và các sinh hoạt cộng đồng, bên cạnh việc phê phán những đặc trưng tiêu cực của xã thôn và nông dân Việt Nam (như đầu óc tư hữu, tính tàn bạo, vụ lợi, riêng rẽ, tính thủ cựu, tôn ti trật tự, đẳng cấp, chia rẽ, tâm lý thích ăn uống linh đình, trả nợ miệng, mê tín, “óc xã thôn hẹp hòi” hoặc “tinh thần ích kỷ xã thôn”), tác giả cũng chỉ ra những đặc trưng có tác dụng tích cực trong sự phát triển (như tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, tinh thần cộng đồng, biết ơn tổ tiên, uống nước nhớ nguồn,...). Ở công trình *Tìm hiểu tính cách dân tộc* xuất bản sau đó, Nguyễn Hồng Phong (1963) đã chỉ ra các đặc tính của người Việt như tính “tập thể - cộng đồng”, “trọng đạo đức”, “cần, kiệm, giản dị, thực tiễn”, tinh thần yêu nước bất khuất, lòng yêu chuộng hòa bình, nhân đạo và lạc quan.

Một nghiên cứu khá đặc biệt của Phạm Minh Hạc (*Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực: đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa*) đã cụ thể hóa phức hợp các quan hệ xã hội: quan hệ giữa con người tự nhiên và con người xã hội; quan hệ giữa con người công dân với con người gia đình, con người cá thể; quan hệ giữa con người hành động và con người tâm linh; quan hệ giữa con người giai cấp và con người dân tộc, con người nhân loại; quan hệ giữa con người truyền thống và con người hiện đại; quan hệ giữa con người lý tưởng và con người đời thường; quan hệ

giữa con người tự nhiên và con người vũ trụ... Tác giả cho rằng, nhân cách con người là mức độ phù hợp giữa thang giá trị và thước đo giá trị của người ấy với thang giá trị và thước đo của cộng đồng và xã hội (Phạm Minh Hạc, 2001: 157).

Trong nghiên cứu tính cộng đồng theo hướng tiếp cận nhân cách, tác giả Hữu Ngọc (2016) đã đi sâu phân tích cá nhân và nhân cách luận. Ông cho rằng, nhân cách luận luôn khẳng định tính độc lập của mỗi cá nhân đối với cộng đồng, nhưng điểm quan trọng là người đó phải phục vụ cộng đồng vì giá trị cá nhân của mình, chứ không phải vì mình là một bộ phận của cộng đồng.

Trong công trình *Tính cộng đồng - tính cá nhân và cái tôi của người Việt Nam hiện nay* do Đỗ Long và Phan Thị Mai Hương đồng chủ biên, khi nghiên cứu trường hợp cụ thể là cộng đồng nhóm thanh niên Việt Nam, các tác giả nhận thấy, mặc dù tính cộng đồng trong thanh niên vẫn nổi trội, nhưng “cái tôi” cá nhân của thanh niên thể hiện khá cao, khá rõ nét. Cái cá nhân ở đây không phải là chủ nghĩa cá nhân hẹp hòi vị kỷ, không phải là chỉ nhằm vun vén cho những lợi ích, những nhu cầu cá nhân mà bao gồm cả vai trò và trách nhiệm cá nhân (Đỗ Long, Phan Thị Mai Hương, 2002: 297).

Tóm lại, một trong những đặc tính nổi bật nhất của văn hóa Việt Nam là tính cộng đồng, được hình thành và ổn định trong quá trình lịch sử. Tuy nhiên, tính cộng đồng không phải là chủ nghĩa tập thể chung chung như thời kỳ trước đây từng có xu hướng đi theo quan điểm đó (thời kỳ kế hoạch hóa tập trung bao cấp trước Đổi mới). Tiếp cận tính cộng đồng cũng không thể tách rời tính cá nhân, bởi cả hai đều gắn liền với mỗi con người cụ thể. Nhưng tính cộng đồng thường gắn liền với môi

trường, điều kiện lịch sử, môi trường văn hóa và cố ý nghĩa “động” nhiều hơn tính cá nhân nếu xếp theo ý nghĩa lịch đại của vấn đề. Văn hóa Việt Nam về cơ bản vẫn là một nền văn hóa mang tính cộng đồng, nhưng trong cái văn hóa ấy đã tạo nên những nhân cách cụ thể ở mỗi cá nhân và được bộc lộ qua những hành vi cụ thể □

Tài liệu tham khảo

1. Phan An (2015), *Tính cộng đồng làng xã như một hệ giá trị Việt Nam và những hệ quả của nó*, <http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-nam-bo/2772-phan-an-tinh-cong-dong-lang-xa-nhu-mot-he-gia-tri-viet-nam-va-nhung-he-qua-cua-no.html>
2. Diễn đàn học mãi (2010), *Văn bản “nhìn về vốn văn hóa dân tộc” của Trần Đình Huợu*, <http://diendan.hocmai.vn/threads/phan-tich-van-ban-nhin-ve-von-van-hoa-dan-toc-cua-giao-su-tran-dinh-huou.95220/>
3. Vũ Dũng (2009), “Ý thức cộng đồng, ý thức dân tộc và ý thức quốc gia”, *Tạp chí Tâm lý học*, số 7.
4. Phạm Minh Hạc, Hồ Sĩ Quý (2001), *Nghiên cứu con người*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Phạm Minh Hạc (2001), *Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực: đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Lê Văn Hào (2005), *Nghiên cứu tính cộng đồng và tính cá nhân của người dân xã Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Viện Tâm lý học.
7. Nguyễn Kim Lai (2004), “Con người nhìn từ góc độ văn hóa - xã hội”, *Tạp chí Triết học*, số 6 (157).
8. Phan Huy Lê (1987), “Vài đặc điểm liên quan đến tâm lý dân tộc trong thời kỳ trung đại”, *Tạp chí Thông tin Khoa học giáo dục*, số 12.
9. Đỗ Long, Trần Hiệp (1993), *Tâm lý cộng đồng làng và di sản*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Đỗ Long (1997), *Tâm lý tiêu dùng và xu thế diễn biến*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Đỗ Long, Phan Thị Mai Hương (đồng chủ biên, 2002), *Tính cộng đồng - tính cá nhân và “cái tôi” của người Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Hữu Ngọc (2016), *Vài ý kiến về tính cộng đồng của người Việt dưới góc nhìn văn hóa*, <http://baotanghanhoc.org/vi/bai-nghien-cu-lch-s/823-vai-y-kin-v-tinh-cng-ng-ca-ngi-vit-di-goc-nhin-vn-hoa.html>
13. Nguyễn Hồng Phong (1959), *Xã thôn Việt Nam*, Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội
14. Nguyễn Hồng Phong (1963), *Tìm hiểu tính cách dân tộc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. Lương Hồng Quang (1997), *Văn hóa cộng đồng làng vùng đồng bằng sông Cửu Long thập kỷ 80 - 90 (qua trường hợp Bình Phú - Cai Lậy - Tiền Giang)*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
16. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
17. Trần Ngọc Thêm (2006), *Văn hóa doanh nhân và văn hóa doanh nhân Việt Nam*, Báo cáo tại Hội thảo “Văn hóa doanh nhân Việt Nam”, Thành phố Hồ Chí Minh.
18. Nguyễn Đình Thiện (2007), *Tính cộng đồng*, <http://vietbao.vn/Van-hoa/Tinh-cong-dong/70098218/181/>